TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 8 – 2020
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH LA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Rạt

Bà Trương Thị Kim Cương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 424/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2020/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 110/1, ấp Phú Tây A, xã Thanh Phú L, huyện Châu Th, tỉnh LA.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ B, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp Giồng Ngang, xã Hòa Khánh Đ, huyện ĐH, tỉnh LA.

(Chị H có mặt, anh B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Nguyễn Vũ B là vợ chồng cưới nhau từ năm 2016, đến ngày 14/9/2016 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú L, huyện Châu Th, tỉnh LA cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018

vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cải vã, không tìm được tiếng nói chung, chung sống không hạnh phúc, anh B ham chơi cờ bạc, không quan tâm lo lắng cho chị. Chị và anh B đã ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Vũ B.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Lê B Trân, sinh ngày 14/4/2017, con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị H xác định chị và anh B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H xác định chị và anh B không có nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Vũ B được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh B, nhưng anh B vẫn vắng mặt không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Vũ B. Anh B hiện đang cư trú tại xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức H, tỉnh LA. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là chị Lê Thị Thanh H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là anh Nguyễn Vũ B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị Thanh H:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Lê Thị Thanh H và anh Nguyễn Vũ B tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 125/2016 đăng ký ngày 14/9/2016 do Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú L, huyện Châu Th, tỉnh LA cấp, nên xác định hôn nhân giữa chị H và anh B là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét

thấy, quá trình chung sống giữa chị H và anh B đã phát sinh mâu thuẫn với những nguyên nhân do chị H trình bày. Anh B đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh B tại Tòa án, nhưng anh B vẫn không có ý kiến, luôn vắng mặt, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mẫu thuẫn tình cảm giữa chị H và anh B là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc chị H cương quyết ly hôn với anh B là có cơ sở, nên chấp nhận cho chị Lê Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Vũ B là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên là Nguyễn Lê B Trân, sinh ngày 14/4/2017 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của con chung muốn sống với ai. Anh B luôn vắng mặt, nên các bên không thể thỏa thuận việc nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại con chung đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và đang có cuộc sống ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung, đảm B sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần giao cháu Trân cho chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản chung: Do anh B cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Ghi nhận chị H xác định không có tài sản chung, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Do anh B cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc chị Lê Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh H.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Vũ B.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Thanh H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Lê B Trân, sinh ngày 14/4/2017. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005256 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh LA. Chị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh B không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LA;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- UBND xã Thanh Phú L, huyện Châu Th, tỉnh LA; *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Quốc